

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 50/2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí
hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về
đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp
trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng
nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí
hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo
cáo thẩm tra số 1525/BC-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại Kỳ họp;



Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Sử dụng nguồn thu do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định để phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

- Trường hợp đối tượng đáp ứng điều kiện hỗ trợ của cả khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này thì thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4.

- Trường hợp có các chính sách hỗ trợ khác có cùng nội dung hỗ trợ tại Điều 4 Nghị quyết này thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nội dung và định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Áp dụng quy trình sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 về thực hành nông nghiệp tốt VietGAP - Phần 1: Trồng trọt.

+ Diện tích vùng sản xuất tập trung tối thiểu từ 5 ha trở lên (có trích bản đồ vị trí vùng sản xuất, danh sách các đối tượng tham gia).

+ Sử dụng giống lúa hợp pháp, được đưa vào cơ cấu bộ giống lúa trong phương án sản xuất hàng vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận VietGAP.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thực hiện quy trình sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần với mức 30 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn hữu cơ

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Áp dụng quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-5:2018 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ.

+ Diện tích vùng sản xuất tập trung tối thiểu từ 05 ha trở lên (có trích bản đồ vị trí vùng sản xuất, danh sách các đối tượng tham gia).

+ Sử dụng giống lúa hợp pháp, được đưa vào cơ cấu trong phương án sản xuất hàng vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận hữu cơ.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thực hiện quy trình sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần với mức 90 triệu đồng/ha.

3. Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Diện tích vùng liên kết sản xuất có quy mô: Đối với doanh nghiệp từ 100 ha trở lên; đối với hợp tác xã, tổ hợp tác từ 50 ha trở lên; đối với hộ gia đình, cá nhân từ 10 ha trở lên (có trích bản đồ vị trí vùng sản xuất, danh sách các đối tượng tham gia).

+ Sử dụng giống lúa hợp pháp, được đưa vào cơ cấu trong phương án sản xuất hàng vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa từ 03 năm trở lên, và đã thực hiện thanh lý hợp đồng (hợp đồng được ký kết sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực).

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần với mức 5 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực sản xuất lúa

- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lớp đào tạo, nâng cao năng lực, sản xuất lúa.

- Điều kiện hỗ trợ: Có Kế hoạch đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực sản xuất lúa cho tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tổ chức lớp đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực sản xuất lúa cho tổ chức, cá nhân.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực sản xuất lúa, không quá 15 triệu đồng/lớp.

5. Hỗ trợ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Điều kiện hỗ trợ: Phù hợp với quy hoạch, không trùng lặp với các nội dung hỗ trợ khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhằm mục tiêu phục vụ tưới tiêu, bảo vệ cho diện tích đất lúa lớn hơn 5 ha, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng; không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng (nếu có).

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những nội dung được hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ) đang thực hiện thì được tiếp tục bố trí để hoàn thành, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 37 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỌA



Lê Tiến Lam
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh